TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình P.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn T1 – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim A** – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Khu F, thị trấn G, huyện D, tỉnh E (có mặt).

Bị đơn: Anh **Trần Phan Tư B** – Sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn Phú Kim, xã C, huyện D, tỉnh E (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2024 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị Kim A yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim A và anh Trần Phan Tư B tự nguyện tìm hiểu và đi đến với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E vào ngày 20 tháng 12 năm 2021. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh B không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2024, chị và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Phan Tư B.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Kim A và anh Trần Phan Tư B có 01 con chung tên: Trần Khánh V, sinh ngày 02/11/2022, có lúc chị rảnh thì chị đón cháu V về nhà chị, lúc anh B rảnh thì anh B đón cháu V về nhà anh B. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Khánh V vì hiện nay cháu V còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Lê Thị Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Trần Phan Tư B trình bày về điều kiện kết hôn giống như chị Lê Thị Kim A khai, còn về mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, thực tế chị A không còn thương anh. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2024, chị A bỏ về nhà cha, mẹ chị ở cho đến nay và trong lúc sống chung một nhà gần một năm nhưng chị A không có tình cảm với anh. Sau khi chị A về nhà cha, mẹ chị A, anh và gia đình anh nhiều lần yêu cầu chị A về nhưng chị A không về và cũng từ đó, anh và chị A không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Nay chị Lê Thị Kim A yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương chị A và con anh nên anh yêu cầu đoàn tụ để nuôi con anh.

Về con chung của anh và chị Lê Thị Kim A có một cháu như chị A khai, từ khi chị A về nhà cha, mẹ chị A ở, có lúc cháu V sống với anh, có lúc sống với chị A. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con, nếu Tòa giao con cho chị A, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị A vì công việc của anh không ổn định.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Trần Phan Tư B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim A được ly hôn với

anh Trần Phan Tư B.

Về con chung: Giao cháu Trần Khánh V, sinh ngày 02/11/2022 cho chị Lê Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Phan Tư B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khoảng 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Kim A và anh Trần Phan Tư B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Lê Thị Kim A phải chịu theo quy định pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Phan Tư B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim A và anh Trần Phan Tư B tự nguyện tìm hiểu và đi đến với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E vào ngày 20 tháng 12 năm 2021. Hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A và anh B không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa khi chị A và anh B sống chung một nhà nhưng chị A không còn tình cảm với anh B nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2024, chị A và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Ngày 05 tháng 11 năm 2024, chị Lê Thị Kim A làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, anh B không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ vì anh B còn thương con và anh B cũng không đưa ra được phương hướng hay giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn cho vợ chồng đoàn tụ nên yêu cầu đoàn tụ của anh B nhằm kéo dài tình trạng hôn nhân. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị Kim A và anh Trần Phan Tư B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim A là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh, chị.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Kim A và anh Trần Phan Tư B có 01 con chung tên: Trần Khánh V, sinh ngày 02/11/2022. Khi ly hôn, chị A và anh B đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu V. Xét yêu cầu nuôi con của chị A và anh B là chính đáng, tuy nhiên hiện nay cháu V dưới 36 tháng tuổi và tại phiên tòa hôm nay chị A và anh

B cũng thừa nhận cháu V có lúc sống với chị A, có lúc sống với anh B là phù hợp với Biên bản xác minh của Tòa án ngày 02/4/2025 tại trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn G, huyện D – là trường cháu V đang học, nhằm đảm bảo quyền lợi của cháu V nên áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu V cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Kim A yêu cầu anh Trần Phan Tư B cấp dưỡng nuôi con 3.000.000^{đ}/tháng nhưng anh B không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này của chị A là chính đáng nhưng hiện nay anh B làm nghề tự do, công việc không ổn định nên yêu cầu này của chị A là hơi cao, nghĩ nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000^{đ}/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và mức sống tại địa phương.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Kim A và anh Trần Phan Tư B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Lê Thị Kim A phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Phan Tư B phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim A được ly hôn với anh Trần Phan Tư B.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Khánh V, sinh ngày 02/11/2022 cho chị Lê Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi

người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Phan Tư B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Khánh V 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí HNST: Chị Lê Thị Kim A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, chị A đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005287 ngày 12/02/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D, nay được khấu trừ và hoàn trả cho chị A 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Phan Tư B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ